TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ma Quốc Thể**.

2. Ông **Nguyễn Minh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Bàng Đức Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: **ĐỖ MẠNH H** - Sinh ngày: 19-8-1988 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Cầu Bì, xã Tú Thịnh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Đỗ Văn Hưởng – Sinh năm: 1957; Con bà: Đào Thị Phượng – Sinh năm: 1965; Vợ: Lưu Thị Thúy – Sinh năm: 1993; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Đỗ Mạnh H hiện đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 43/2023/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị cáo: **HOÀNG THỊ T** - Sinh ngày: 15-9-1941 tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/10; Dân tộc: Sán Chay; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Văn Đồng (đã chết); Con bà: Lý Thị Lợi (đã chết); Chồng: Trần Thái Bình (đã chết); Con: Có 07 con, con lớn nhất sinh năm 1970, con nhỏ nhất sinh năm 1985.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Hoàng Thị T hiện đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 45/2023/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Bị cáo: **TRẦN VĂN K** - Sinh ngày: 02-10-1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Sán Chay; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Trần Thái Bình (đã chết); Con bà: Hoàng Thị T – Sinh năm: 1941; Vợ: Trần Thị Thủy – Sinh năm: 1988; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Trần Văn K hiện đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 44/2023/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Trần Văn K: Ông **Phạm Thế Nghĩa** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: **Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vương Ngọc Vản** – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **Lưu Văn N** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Nịnh Văn X** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Trần Văn T** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Trần Quang C** - Địa chỉ: Thôn Tân Thanh, xã Minh Thanh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Ông **Thạch Văn T** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Lưu Văn S** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Ông **Lương Văn H** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông **Lưu Văn T** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Lưu Văn Đ** - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01-2022, bị cáo Đỗ Mạnh H đi tìm mua cây để khai thác gỗ xẻ nan bán kiếm lời. Qua tìm hiểu, bị cáo H biết gia đình bị cáo Trần Văn K có 20 cây gỗ tạp mọc tự nhiên, gồm: Lòng Mang (nhóm VI), Duối (nhóm VIII), Thấu Tầu (nhóm (VII), Sung (nhóm VIII), Đa (nhóm VIII), Trám Trắng (nhóm VII), Lim Vang (nhóm V), Thành Ngạnh (nhóm VII), Xoan Ta (nhóm VI), Bồ Đề (nhóm VIII), Trám (nhóm VII), Trâm (nhóm V) thuộc lô 27, khoảnh 68a, diện tích 1,405m^2 tại thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang muốn bán nên bị cáo H đến nhà để gặp bị cáo K trao đổi mua bán cây. Khi đến nơi, bị cáo H gặp bị cáo K và mẹ của bị cáo K là bị cáo Hoàng Thị T đang ngồi ở bếp nhà bị cáo K. Tại đây, bị cáo H thỏa thuận mua 20 cây gỗ trên với giá 25.000.000 đồng. Khi trao đổi mua bán, bị cáo T và bị cáo K nói cho bị cáo H biết số cây trên là cây mọc tự nhiên trên đất do ông bà để lại cho bị cáo T, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo H nhờ bị cáo T và bị cáo K hỏi mượn bà Nịnh Thị X và ông Thạch Văn T để mở đường khai thác gỗ cho thuận tiện, khi nào hỏi mượn được đường thì sẽ thanh toán tiền.

Ngày 20-01-2022, bị cáo Đỗ Mạnh H đi đến nhà bị cáo Trần Văn K thì gặp bị cáo Trần Văn K và bị cáo Hoàng Thị T, lúc này bị cáo H báo cho bị cáo T và bị cáo K biết việc đã hỏi mượn đường để khai thác gỗ từ bà Nịnh Thị X và ông Thạch Văn T đồng thời nhờ bị cáo T và bị cáo K tác động thêm để mượn được đường khai thác gỗ thì bị cáo T bảo bị cáo K gọi điện cho ông Thạch Văn T để mượn đường khai thác gỗ và được ông T đồng ý. Lúc này, bị cáo H đưa số tiền 25.000.000 đồng cho bị cáo K để kiểm tra, sau khi kiểm tra thấy đúng số tiền 25.000.000 đồng thì bị cáo K đưa cho bị cáo T. Sau đó, bị cáo H yêu cầu viết giấy mua bán số cây trên thì bị cáo T bảo bị cáo K ký tên. Trong giấy mua bán thể hiện, việc bị cáo H và bị cáo K thỏa thuận bị cáo K là người hỏi mượn các hộ dân xung quanh để mở đường khai thác cho thuận tiện, bị cáo H là người lo các thủ tục pháp lý liên quan đến việc khai thác gỗ.

Khoảng cuối tháng 6-2022, bị cáo H thuê ông Lưu Văn N, ông Nịnh Văn X, ông Trần Văn TH để khai thác và cắt 20 cây gỗ trên; thuê máy xúc đào của ông Trần Văn C để mở đường phục vụ cho việc khai thác gỗ. Khi khai thác gỗ được khoảng 02 – 03 ngày thì trời mưa nên việc khai thác gỗ phải dừng lại.

Ngày 18-7-2022, bị cáo H tiếp tục thuê ông N sử dụng cưa xăng để cắt các cây gỗ tạp thành từng khúc có chiều dài từ 02 – 03m, ông Nịnh Văn X và ông Thạch Văn T làm nhiệm vụ luồn dây qua các khúc gỗ vào gầu máy xúc của ông C để cẩu gỗ lên thùng xe công nông của ông Lưu Văn Sinh để ông S chở gỗ về khu đất trống của gia đình ông Lưu Văn T và ông Lưu Văn Đ (trước đó, bị cáo H mượn địa điểm trên của ông T và ông Đ để để gỗ). Ông S chở được 04 chuyến gỗ thì trời mưa nên bị cáo H không tiếp tục khai thác và chở gỗ được.

Khoảng 08 giờ ngày 26-7-2022, bị cáo H tiếp tục thuê ông N, ông X, ông Lâm Văn Hội tiếp tục khai thác và bốc xếp gỗ lên xe công nông của ông Lương

Văn H (trước đó, do ông S bận nên gọi điện bảo ông H đi trở gỗ thay). Khi bốc được 06 khúc gỗ lên thùng xe công nông thì ông H điều khiển xe công nông đi ra khu vực để gỗ theo hướng dẫn của bị cáo H thì bị tổ công tác Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Hạt Kiểm lâm S, tỉnh Tuyên Quang kiểm tra và lập biên bản. Tiến hành đo đạc toàn bộ số gỗ Hùng thuê khai thác, vận chuyển được khối lượng là 22,377 m^3 (Trong đó: tại bãi đất trống của gia đình ông Lưu Văn T và ông Lưu Văn Đ là 14,051 m^3; tại khu vực đồi thuộc lô 27, khoảnh 68a thuộc thôn K, xã B, huyện S là 8,326 m^3).

Qua làm việc với Hạt Kiểm lâm S, tỉnh Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Phòng Tài nguyên và môi trường huyện S, tỉnh Tuyên Quang đều xác định: Vị trí bị cáo Đỗ Mạnh H khai thác gỗ thuộc lô số 27, khoảnh 68a thuộc thôn K, xã B, huyện S có diện tích 1,405m^2, trạng thái của lô rừng là trạng thái tự nhiên hỗn giao ký hiệu HG1 (G-TN) chức năng rừng sản xuất. Hiện đang do Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, chưa giao cho cá nhân, tổ chức hay hộ gia đình nào trông coi, bảo vệ, sử dụng và khai thác.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 07 giờ 40 phút ngày 18-7-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác định: Phần gốc cây để lại tại hiện trường có khối lượng là 0,721m^3.

Tại Kết luận định giá tài sản số 153/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 08-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 29.127.300 đồng.

Tại cáo trạng số: 167/CT-VKSSD ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K về tội "Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thực hành quyền công tố, có quan điểm thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ

Mạnh H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Giao bị cáo Đỗ Mạnh H về Ủy ban nhân dân xã Tú Thịnh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Giao bị cáo Trần Văn K về Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm b, điểm i, điểm o, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 59 Bộ luật hình sự. Miễn hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang không yêu cầu các bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K phải bồi thường đối với số lâm sản bị thiệt hại. Do vậy, không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

22,377m^2 gỗ tròn các loại thông thường, được cắt thành nhiều khúc, sau khi đã trừ đi 01cm độ dày vỏ gỗ thì tổng khối lượng gỗ còn lại là 19,274m^2.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng:

- 01 Dây cáp bằng vải dù có chiều dài 03,44m, có bản rộng Nng 07cm, hai đầu dây được buộc thắt nút, loại dây dù đã cũ, đã qua sử dụng.

- 01 Dây cáp bằng vải dù có chiều dài 02,64m, có bản rộng Nng 08cm, hai đầu dây được buộc thắt nút, loại dây dù đã cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nịnh Văn X tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 41cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thạch Văn T tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 44cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lâm Văn Hội tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 44cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn TH tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 50cm, bản dao chỗ rộng nhất là 03cm, mũi dao nhọn cong (dạng dao quắm).

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lưu Văn N tài sản không phải là vật chứng:

01 Cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna353, màu cam, có gắn động cơ xăng, máy đã qua sử dụng.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lương Văn H tài sản không phải là vật chứng:

01 Xe công nông tự chế, có gắn đầu nổ và thùng bằng sắt, không có biển số đăng ký có kèm theo 01 chìa khóa.

Về án phí, quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội.

- Bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận, đối đáp.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T là ông Phạm Thế Nghĩa có quan điểm nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, hình phạt, án phí và quyền kháng cáo. Không có ý kiến tranh luận, đối đáp.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K là ông Phạm Thế Nghĩa có quan điểm nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, án phí và quyền kháng cáo. Người bào chữa tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các tình tiết giảm nhẹ đã trình bày. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Trần Văn K với mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K: Về mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá toàn bộ hành vi và đề nghị mức hình phạt phù hợp với hậu quả xảy ra. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K giữ nguyên quan điểm tranh luận, đối đáp tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng:

- Bị cáo Đỗ Mạnh H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Hoàng Thị T nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Văn K nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu giữ, kết luận định giá cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 20-01-2022, bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Trần Văn K đã có hành vi bán 20 cây gỗ tạp mọc tự nhiên (nhóm V đến nhóm VIII) tại lô số 27, khoảnh 68a, chức năng rừng sản xuất thuộc thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang hiện do Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, chưa giao cho cá nhân, tổ chức hay hộ gia đình nào trông coi, bảo vệ, sử dụng và khai thác cho bị cáo Đỗ Mạnh H với giá 25.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng Thị T trực tiếp bảo bị cáo Trần Văn K gọi điện thoại hỏi mượn đường của các hộ dân xung quanh cho bị cáo Đỗ Mạnh H mở đường khai thác. Đến khoảng thời gian từ cuối tháng 6-2022 đến ngày 26-7-2022, bị cáo Đỗ Mạnh H đã khai thác trái phép 20 cây gỗ tạp mọc tự nhiên trên được tổng khối lượng 19,995m^3.

Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T, bị cáo K thực hiện hành vi giao dịch mua bán cây gỗ tạp mọc tự nhiên (nhóm V đến nhóm VIII), giúp sức mượn đường cho bị cáo H thực hiện hành vi khai thác trái phép 20 cây gỗ tạp mọc tự nhiên trên được tổng khối lượng 19,995 m^3, gây thiệt hại tài sản là 29.127.300đ. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Thị T là người đủ 70 tuổi trở lên; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo T đã tự nguyện trồng hơn 100 cây keo với mục đích khắc phục hậu quả nên

được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ông Trần Thái Bình là chồng của bị cáo Hoàng Thị T và là bố của bị cáo Trần Văn K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hàng Ba, do vậy bị cáo T, bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy các bị cáo nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản cá nhân có giá trị, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn K là người có hiểu biết nhất định về pháp luật, thường xuyên được nghe tuyên truyền các quy định của nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nhận thức được rằng hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản mà còn xâm phạm đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái; gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng, là nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường, lũ lụt, hạn hán. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của các bị cáo gây ra.

HĐXX thấy rằng, đây là vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn không có tổ chức. Đánh giá mức độ phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Đỗ Mạnh H trực tiếp đi tìm mua gỗ, thuê người khai thác, vận chuyển trái phép số gỗ mọc tự nhiên nên có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Trần Văn K, bị cáo Hoàng Thị T trực tiếp thỏa thuận, giao dịch mua bán số cây gỗ với bị cáo H và hỏi mượn đất của các hộ xung quanh để làm đường cho bị cáo H vận chuyển gỗ nên đóng vai trò giúp sức tích cực.

Bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Trần Văn K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, địa chỉ cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX nhận thấy không cần dùng biện pháp cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Văn bản hợp nhất số: 02/VBHP-TANDTC ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tối cao là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Thị T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm; mức độ hậu quả xảy ra, trong vụ án này thì vai trò đồng phạm của bị cáo Tiếp là người tham gia không đáng kể vào việc thực hiện tội phạm; bị cáo đã già yếu, có khả năng tự cải tạo, giáo dục mà không cần áp dụng hình phạt. Do vậy, HĐXX quyết định miễn hình phạt đối

với bị cáo Hoàng Thị T theo quy định tại Điều 59 Bộ luật hình sự là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo K mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo. HĐXX đánh giá toàn diện tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo K, xét thấy việc xử phạt bị cáo K mức thấp nhất của khung hình phạt (là 06 tháng) và hưởng án treo sẽ không đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và công tác phòng chống tội phạm nói chung. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo K. Do vậy, HĐXX không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K; chấp nhận mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang không đề nghị bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Trần Văn K, bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 22,377m^2 gỗ tròn các loại thông thường, được cắt thành nhiều khúc, sau khi đã trừ đi 01cm độ dày vỏ gỗ thì tổng khối lượng gỗ còn lại là 19,274m^2. HĐXX xét thấy, đây là vật chứng của vụ án, số cây gỗ bị khai thác trái phép thuộc quyền quản lý của Cơ quan nhà nước. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số gỗ trên.

- Đối với 01 dây cáp bằng vải dù có chiều dài 03,44m, có bản rộng Nng 07cm, loại dây dù đã cũ; 01 dây cắp bằng vải dù có chiều dài 02,64m, có bản rộng Nng 08cm, loại dây dù đã cũ. HĐXX xét thấy đây là công cụ của bị cáo H sử dụng vào việc buộc các cây gỗ để vận chuyển trong khai thác trái phép các cây gỗ tự nhiên; các vật chứng không còn giá trị sử dụng, bị cáo H không có đề nghị gì đối với các vật chứng này. Do vậy, HĐXX cần tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

- Đối với 01 con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 41cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm của ông Nịnh Văn X; 01 con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 44cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm của ông Thạch Văn T; 01 con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 44cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm của ông Lâm Văn Hội; 01 con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 50cm, bản dao chỗ rộng nhất là 03cm, mũi dao nhọn cong (dạng dao quắm) của ông Trần Văn TH; 01 cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna353, màu cam, có gắn động cơ xăng, máy đã qua sử dụng của ông Lưu Văn N; 01 xe công nông tự chế, có gắn đầu nổ và thùng bằng sắt, không có biển số đăng ký có kèm theo 01 chìa khóa của ông Lương Văn H. HĐXX xét thấy, quá trình được bị cáo Đỗ Văn Hùng thuê vận chuyển, cắt, bốc, xếp, cẩu gỗ, ông X, ông T, ông Hội, ông TH, ông N, ông H không biết số gỗ trên do bị cáo H khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên và cũng không được bàn bạc, thống nhất gì với bị cáo H về việc khai thác trái phép gỗ nên các chủ sở hữu của

các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H. Do vậy, các tài sản trên không phải là vật chứng của vụ án nên cần trả lại cho các chủ sở hữu.

[8] Về án phí:

- HĐXX xét thấy, bị cáo Trần Văn K thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương; bị cáo Hoàng Thị T là người cao tuổi và thuộc diện hộ cận nghè tại địa phương, các bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí. Do vậy, HĐXX miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn K và bị cáo Hoàng Thị T.

- Buộc bị cáo Đỗ Mạnh H chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn với bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi vận chuyển gỗ của ông Lưu Viết Sinh, ông Lương Văn H; hành vi cắt, bốc, xếp, cẩu gỗ của ông Lưu Văn N, ông Lâm Văn Hội, ông Thạch Văn T, ông Trần Văn TH, ông Nịnh Văn X, ông Đặng Văn Lại, do khi thực hiện không biết số gỗ trên do bị cáo H khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đỗ Mạnh H phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh H **01** (**một**) năm **09** (**chín**) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là **03** (**ba**) năm **06** (**sáu**) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 23-01-2024).

Giao bị cáo Đỗ Mạnh H về Ủy ban nhân dân xã Tú Thịnh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được

hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Xử phạt bị cáo Trần Văn K **09** (**chín**) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là **01** (**một**) năm **06** (**sáu**) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 23-01-2024).

Giao bị cáo Trần Văn K về Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232; điểm b, điểm i, điểm o, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 59 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Miễn hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

22,377m^2 gỗ tròn các loại thông thường, được cắt thành nhiều khúc, sau khi đã trừ đi 01cm độ dày vỏ gỗ thì tổng khối lượng gỗ còn lại là 19,274m^2.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng:

- 01 Dây cáp bằng vải dù có chiều dài 03,44m, có bản rộng Nng 07cm, hai đầu dây được buộc thắt nút, loại dây dù đã cũ, đã qua sử dụng.

- 01 Dây cáp bằng vải dù có chiều dài 02,64m, có bản rộng Nng 08cm, hai đầu dây được buộc thắt nút, loại dây dù đã cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nịnh Văn X tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 41cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thạch Văn T tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 44cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lâm Văn Hội tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 44cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn TH tài sản không phải là vật chứng:

01 Con dao bằng sắt có gắn chuôi bằng gỗ, có chiều dài 50cm, bản dao chỗ rộng nhất là 03cm, mũi dao nhọn cong (dạng dao quắm).

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lưu Văn N tài sản không phải là vật chứng:

01 Cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna353, màu cam, có gắn động cơ xăng, máy đã qua sử dụng.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lương Văn H tài sản không phải là vật chứng:

01 Xe công nông tự chế, có gắn đầu nổ và thùng bằng sắt, không có biển số đăng ký có kèm theo 01 chìa khóa.

(*Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13-02-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang*).

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

- Buộc bị cáo Đỗ Mạnh H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn K.

- Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Đỗ Mạnh H, bị cáo Trần Văn K, bị cáo Hoàng Thị T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Quang Cảnh, ông Lưu Văn Sinh, ông Lương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-01-2024).

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lưu Văn N, ông Nịnh Văn X, ông Trần Văn TH, ông Thạch Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra
Công an huyện S;
- Cơ quan Thi hành án hình sự
Công an huyện S;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

Nguyễn Việt Cường